

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

1
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 26- 5 - 2020
V/v ly hôn giữa chị C và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái;

2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Thùy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 559/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2019 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80 /2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 2 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2020; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 03/TB-TA ngày 14/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Chính, sinh năm 1971 “có mặt

Bị đơn: Anh Dương Quốc H, sinh năm 1964 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ: Thôn H 1, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2013 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Chính bày:

Về hôn nhân: Chị với anh Dương Quốc H kết hôn với nhau từ năm 1989. Trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn H 1, xã H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa hợp hạnh phúc, đến tháng 2008 vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm, cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 2016 cho đến nay không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Quốc Hiệp, sinh năm 1990. Dương Quốc Hay, sinh năm 1992. Các con đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Quốc H trình bày:

Về hôn nhân: Anh xác định về quan hệ hôn nhân, thời gian anh và chị C cưới nhau, về chung sống, cưới có đăng ký kết hôn như lời trình bày trên của chị C là hoàn toàn đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị C thường hay mang tiền của gia đình đi giúp đỡ những người trong họ bên chị C không bàn bạc với anh nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống thậm chí có xô xát to tiếng với nhau. Tuy nhiên nay xét thấy tình cảm anh giành cho chị C vẫn còn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Về tài sản riêng, chung, công nợ chung: Anh thống nhất lời trình bày chị C và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều Điều 147; Điều 227; 228; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Dương Quốc H.

Về nuôi con chung; Về tài sản riêng, chung; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang; Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nh vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân:* Chị C và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi kết hôn đã đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng chị C và anh H đều xác định có phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc và đã ly thân nhau

từ năm 2016 cho đến nay không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Tòa án đã tiến hành hòa giải nh không thành. Nay chị Ccương quyết ly hôn. Vì vậy xác định hôn nhân giữa chị Chinh, anh H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ctheo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về nuôi con chung:** Các con chung đã trưởng thành, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] **Về Tài sản riêng, chung; Công nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị Cphải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[6] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; 228; 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cvà anh Dương Quốc H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cphải chi 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Cđã nộp đủ số tiền 300.000đ tại biên lai thu số AA/2017/0004360 ngày 30/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Đông H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thị Linh****THÀNH VIÊN HĐXX****THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

PHIÊN TÒA**Nguyễn Thị Yến Nguyễn Thị Hoan****Nguyễn Thị Linh*****Nơi nhận:*****THẨM**

- TAND tỉnh Bắc Giang;

TÒA

- VKSND huyện L;

- Chi cục THADS huyện LN;

- UBND xã Cương Sơn;

- Các đương sự;

- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN****Nguyễn Thị Linh****THÀNH VIÊN HĐXX****THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Chung Nguyễn Thị Hoan

Nguyễn Thị Linh

Nơi nhận:

THÂM

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Cẩm Lý;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Đông H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh